CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng CTCP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam

Ngày 30/06/2025	16,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	10.3%	**110.5**	**110.5**

DT thuần
Q2/25
42.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.50| 1.1%
YoY: ▲ 6.00| 16.6%

LN thuần
Q2/25
-0.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.56| -133%
YoY: ▼0.23| -35.3%

LN sau thuế
Q2/25
-1.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.31| -181%
YoY: ▼0.70| -90.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-3.6%
YoY: +/-▼ 9.8%

ROE (TTM)
Q2/25
1.0%
YoY: +/-▼ 0.1%

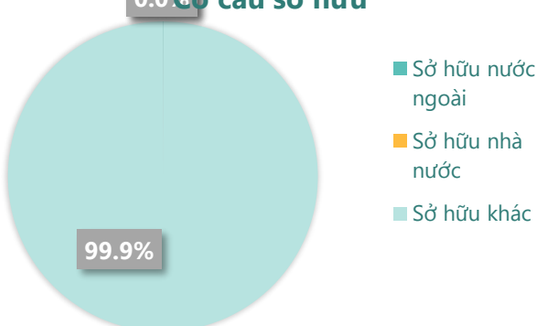
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,600 - 18,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,263
Số lượng CPLH (CP)	78,907,276
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,029,012
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.14)
EPS	131
P/E	122.2

DT thuần
6T 2025
83.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.1| 20.4%

LN thuần
6T 2025
1.77
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.38| -17.4%

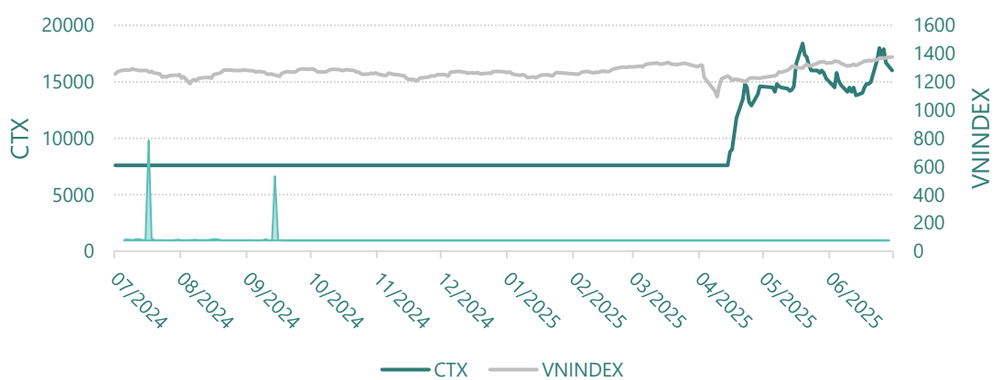
LN sau thuế
6T 2025
0.35
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.14| -76.5%

Cơ cấu sở hữu

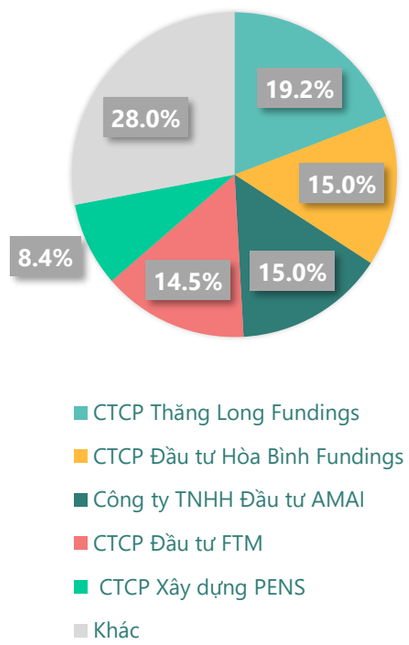


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



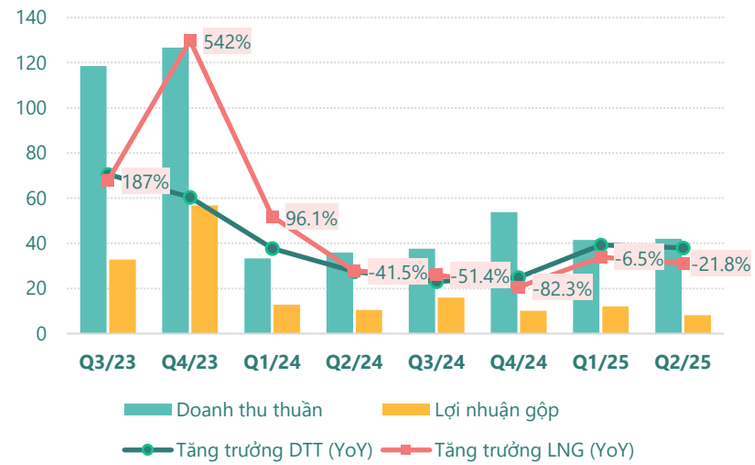
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

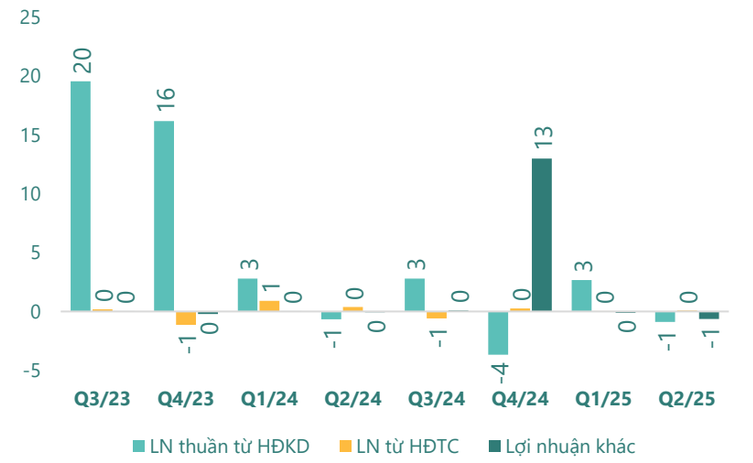
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



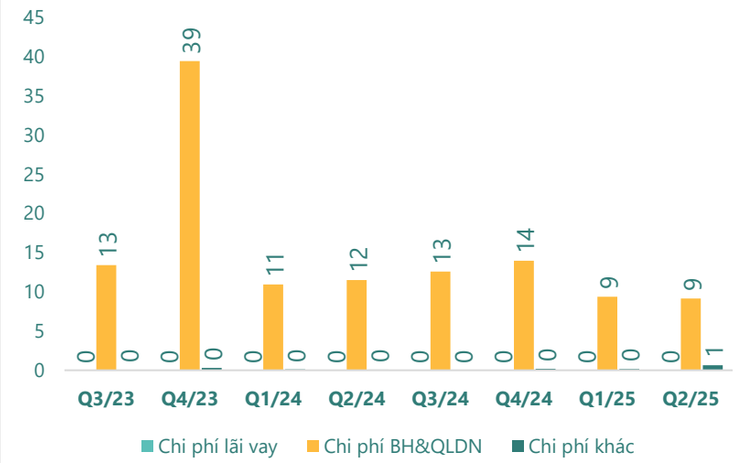
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



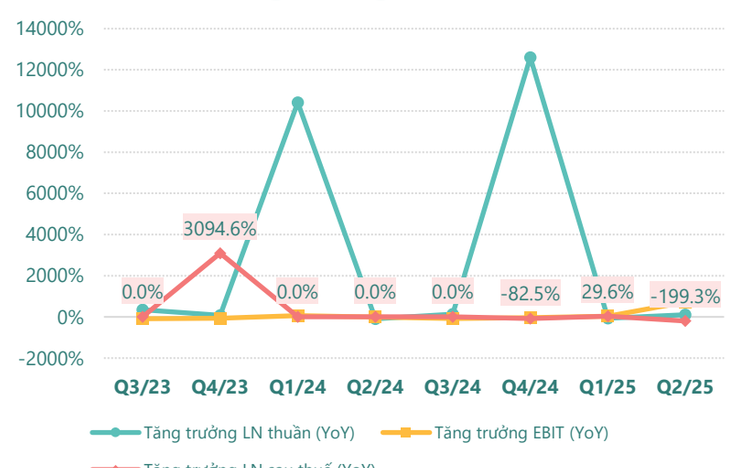
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



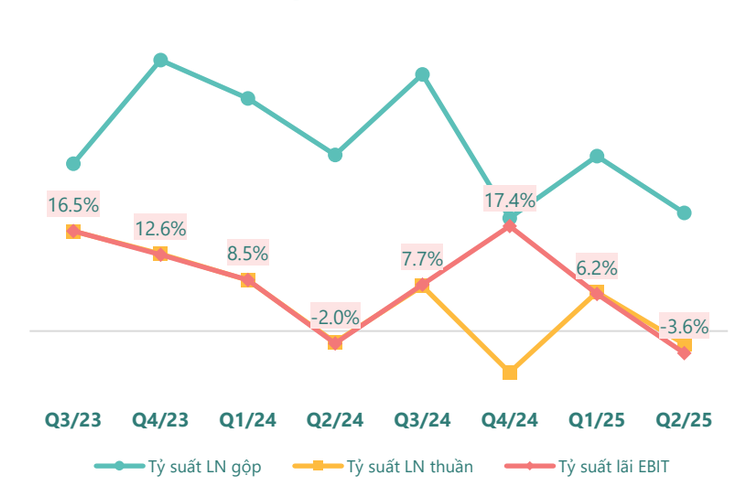
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



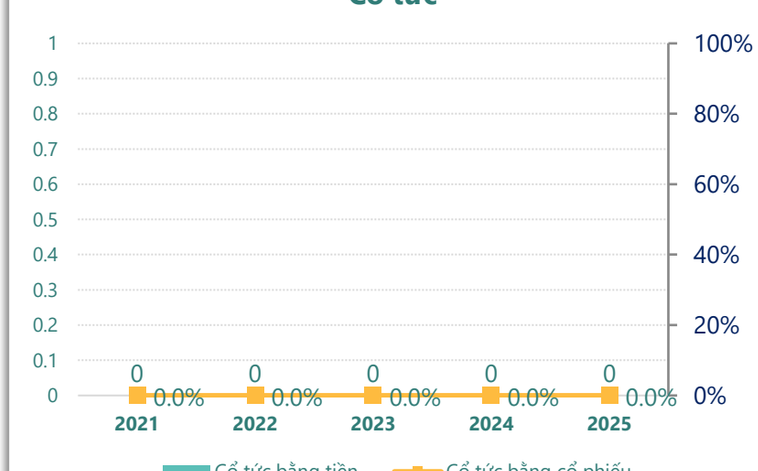
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

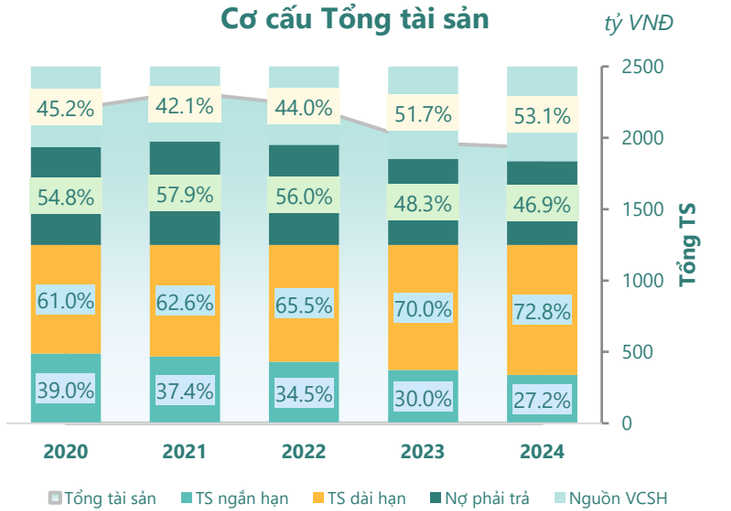
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

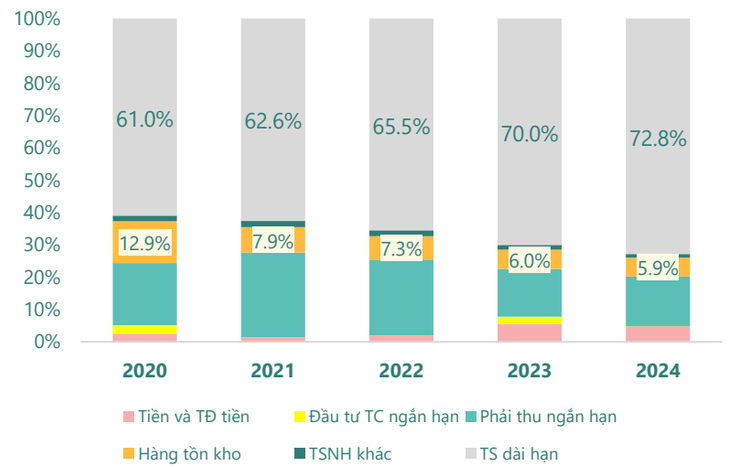
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



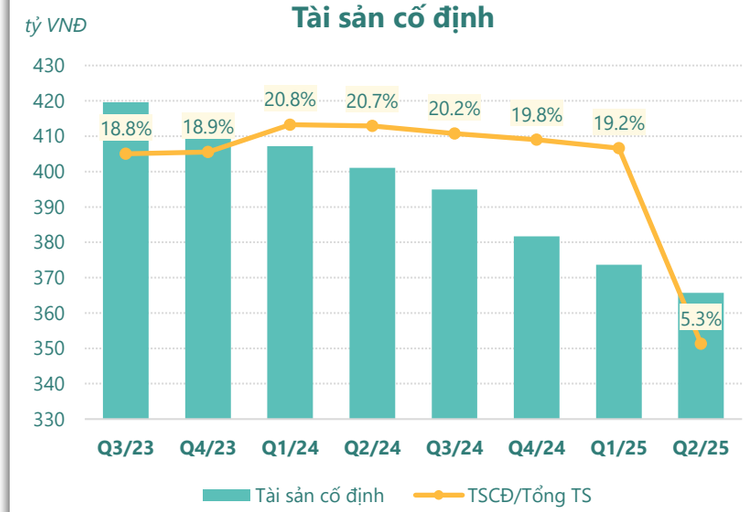
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



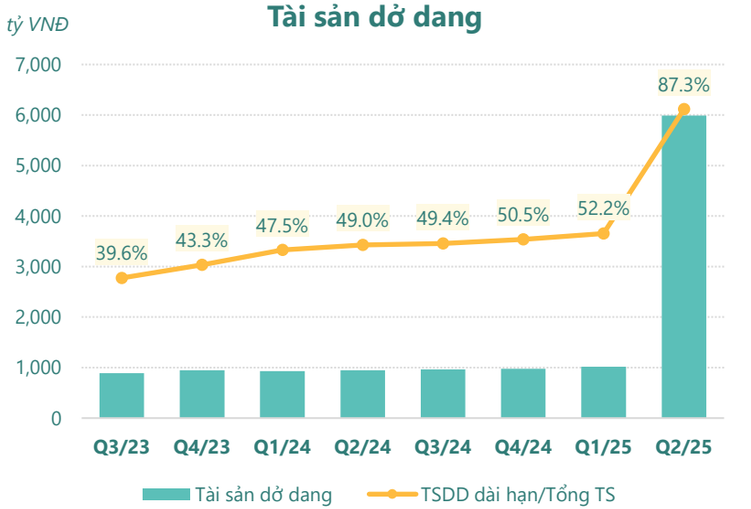
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



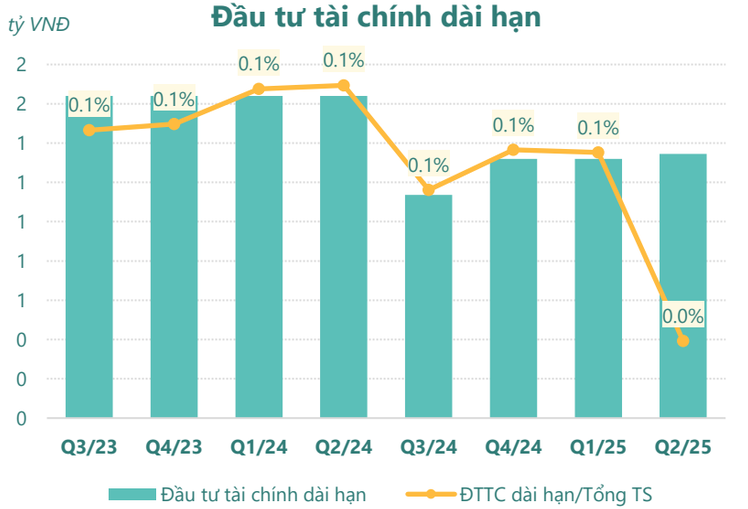
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



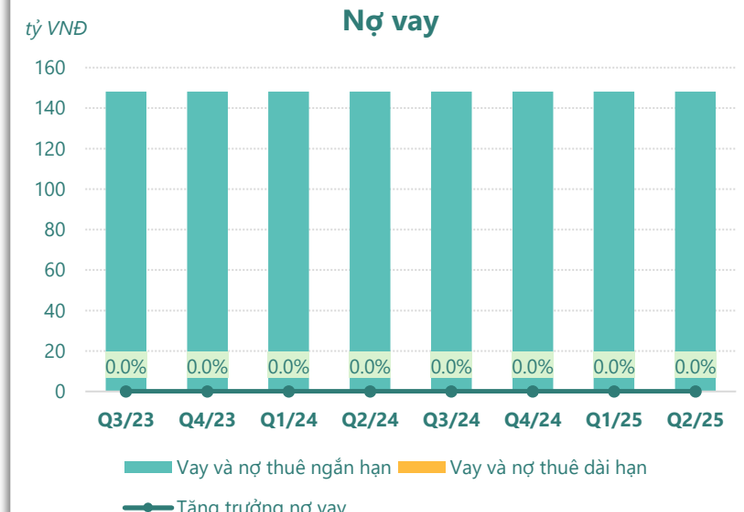
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

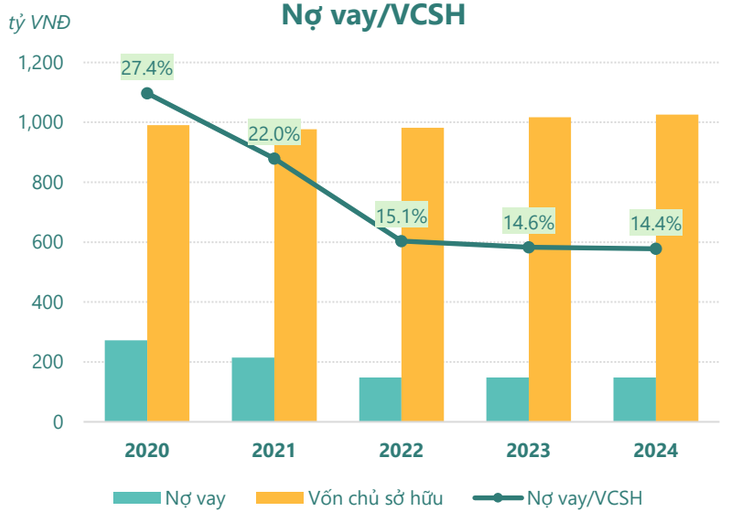
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

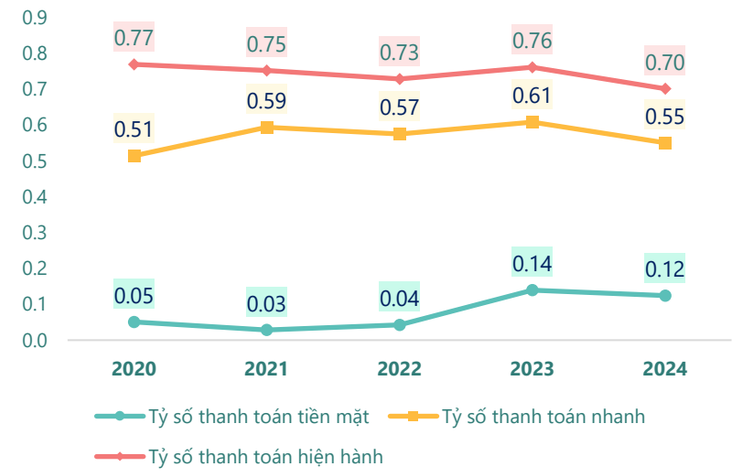
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



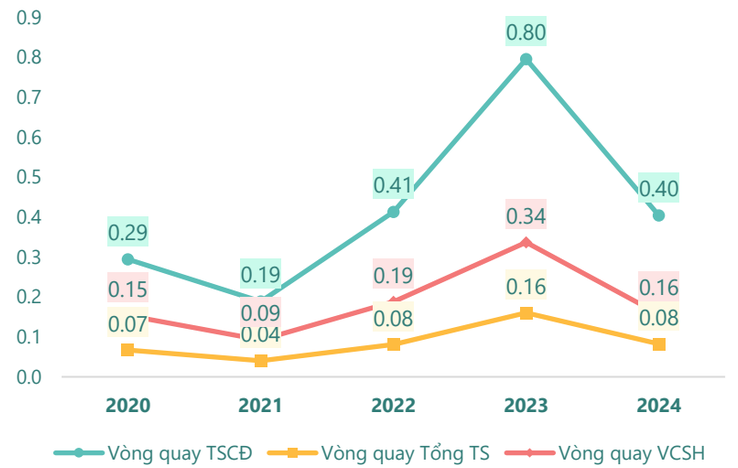
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



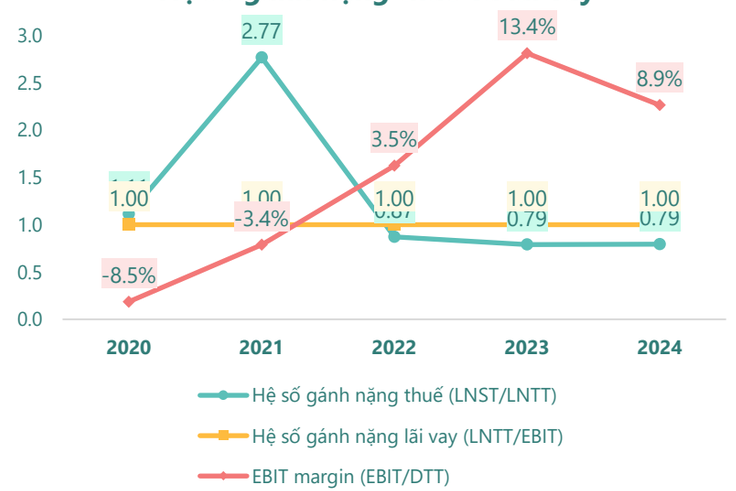
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



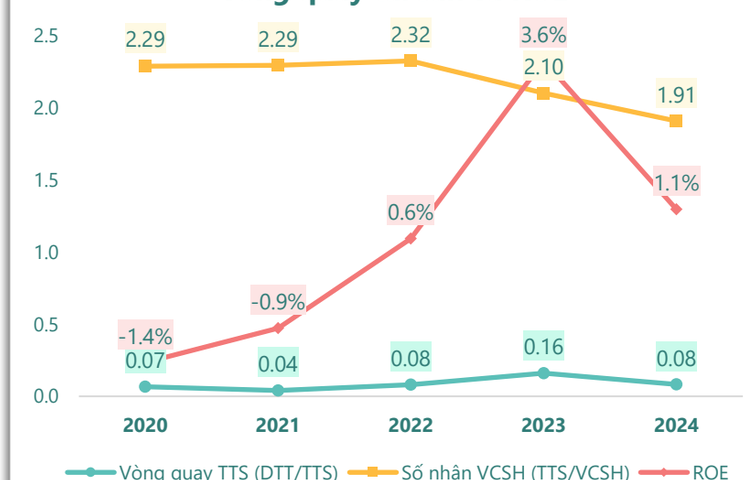
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



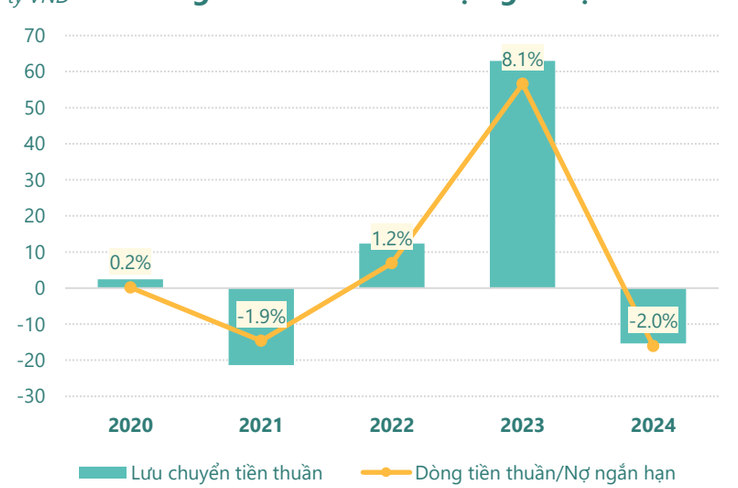
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**42.0**	**36.0**	**16.6%**	**83.4**	**69.3**	**20.4%**
Giá vốn hàng bán	33.8	25.5	32.4%	63.2	46.0	37.5%
Lợi nhuận gộp	8.20	10.5	-21.9%	20.2	23.3	-13.4%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.39	-92.7%	0.07	1.30	-95.0%
Chi phí TC	-0.05	0.00		-0.05	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.94	4.35	-55.3%	3.59	6.22	-42.2%
Chi phí QLDN	**7.22**	**7.18**	**0.6%**	**14.9**	**16.2**	**-8.0%**
LN thuần từ HĐKD	-0.89	-0.66	-35.3%	1.77	2.15	-17.4%
Lợi nhuận khác	**-0.64**	**-0.07**	**-807%**	**-0.75**	**-0.06**	**-1189%**
LN trước thuế	-1.53	-0.73	-109%	1.03	2.09	-50.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.48**	**-0.78**	**-90.1%**	**0.35**	**1.49**	**-76.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.43**	**-0.77**	**-85.1%**	**0.41**	**1.51**	**-73.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-62.9	50.5	-16.5	27.6	27.7	4,921
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.3	-15.8	-18.4	-10.1	-40.4	-4,972
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	108	75.4	110	75.2	92.7	80.1
Lưu chuyển tiền thuần	**-32.6**	**34.7**	**-34.9**	**17.5**	**-12.6**	**-50.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	75.4	110	75.2	92.7	80.1	29.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,857**	**1,930**	**255%**
Tài sản ngắn hạn	457	525	-12.9%
Tiền và tương đương tiền	29.2	92.7	-68.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.16	0.13	19.0%
Phải thu ngắn hạn	298	297	0.4%
Hàng tồn kho	102	113	-9.5%
Tài sản ngắn hạn khác	27.3	21.9	24.6%
Tài sản dài hạn	**6,400**	**1,406**	**355%**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	-43.7%
Tài sản cố định	366	382	-4.2%
Bất động sản đầu tư	38.6	39.8	-2.9%
Tài sản dở dang	5,990	977	513%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.34	1.32	1.9%
Tài sản dài hạn khác	**4.65**	**6.52**	**-28.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,831	905	544%
Nợ ngắn hạn	**5,674**	**748**	**658%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	148	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	170	170	0.2%
Nợ dài hạn	157	157	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,026**	**1,025**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,026**	**1,025**	**0.0%**
Vốn điều lệ	789	789	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)